

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

1. Phương hướng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và khủng hoảng

Trong bối cảnh Việt Nam là thành viên chính thức của WTO, trên cơ sở những thành tựu và hạn chế của cùng tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa những năm trước đây, trong thời gian tới, quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa cần phải bảo đảm thực hiện mục tiêu *đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp ngày càng cao và tăng trưởng nền kinh tế*. Để đạt được mục tiêu này, quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tạo bước đột phá trong thực hiện vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế và xây dựng thể chế kinh tế thị trường; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy quản lý và quan hệ giữa các bộ phận trong hệ thống bộ máy quản lý phù hợp với trình độ và sự phát triển của nền kinh tế, của khu vực doanh nghiệp. Trong đó, vai trò của Nhà nước tập trung vào tạo dựng môi trường kinh tế vĩ mô ổn định; hình thành khuôn khổ pháp lý khuyến khích đầu tư và cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; hỗ trợ cho việc hình thành các loại thị trường và tạo điều kiện để các thị trường này vận hành có hiệu quả và bền vững. Trong đó, phương hướng chủ yếu để thực hiện mục tiêu trên là:

- *Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa phải dựa trên yêu cầu phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, đồng thời tiếp thu những giá trị tiên bộ, phù hợp với thông lệ và tập quán quốc tế để thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Đối tượng quản lý nhà nước không phải là thành phần kinh tế mà là các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu, không phụ thuộc vào thành phần kinh tế nào; nội dung, phương pháp quản lý không thoát ly khỏi thực tế Việt Nam, nhưng có tiếp thu những giá trị tiên bộ, tập quán quốc tế, phù hợp với thông lệ quản trị tốt nhất để thúc đẩy doanh nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế.*

- *Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa cần bám sát quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới chức năng quản lý nhà*

nước nói chung, quản lý nền kinh tế nói riêng. Chức năng cơ bản của Nhà nước trong giai đoạn tới đã được xác định trong báo cáo chính trị tại đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI là:

+ Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách trên có sự tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường.

+ Tạo môi trường pháp lý thuận lợi được phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển.

+ Bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường.

+ Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp.

- *Thống nhất sử dụng các công cụ quản lý trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.* Nhà nước quản lý doanh nghiệp bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch (thông qua chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện), chính sách, bộ máy cơ quan quản lý nhà nước. Trong khung khi đó, chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa là hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có chiến lược ngành, lĩnh vực kinh tế có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp; chiến lược phát triển doanh nghiệp; hình thành môi trường hoạt động cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa mà cơ bản là môi trường pháp lý và thể chế; hỗ trợ và điều tiết hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng các công cụ kinh tế vĩ mô, kiểm tra và giám sát hoạt động tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp.

- *Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông giữa nội dung quản lý nhà nước với tổ chức bộ máy thực hiện; giữa pháp luật và chính sách; giữa quy định và triển khai thực hiện.* Nội dung quản lý nhà nước phải được bảo đảm thực hiện thường qua một bộ máy có năng lực, có đủ khả năng thực hiện đầy đủ các nội dung cần quản lý; việc nghiên cứu, xây dựng ban hành pháp luật phải được bảo đảm thực hiện; bảo đảm tính pháp chế của pháp luật và các quy định; các chính sách phải được thể chế hóa bằng pháp luật và thông qua pháp luật.

Nhà nước tạo môi trường về pháp luật và các cơ chế, chính sách thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển bình đẳng

và cạnh tranh lành mạnh nhằm huy động mọi nguồn lực trong nước kết hợp với nguồn lực từ bên ngoài cho đầu tư phát triển.

Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa phải bảo đảm phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo phương châm tích cực, vững chắc, nâng cao chất lượng, phát triển về số lượng, đạt hiệu quả kinh tế, góp phần tạo nhiều việc làm, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với các mục tiêu quốc gia, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng địa phương, khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề truyền thống; chú trọng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; ưu tiên phát triển và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa do đồng bào dân tộc, phụ nữ, người tàn tật... làm chủ doanh nghiệp; chú trọng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư sản xuất một số lĩnh vực có khả năng cạnh tranh cao.

Gắn hoạt động kinh doanh với bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền về vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế - xã hội.

2. Nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

- Xây dựng, ban hành pháp luật đồng thuận với thể chế WTO và pháp luật của các quốc gia đối tác. Sự phát triển và tăng cường mối quan hệ quốc tế đòi hỏi pháp luật của chúng ta, nhất là trong lĩnh vực thương mại và đầu tư phải hài hòa và tương thích với những yêu cầu và tiêu chí của việc hội nhập. Những nguyên tắc chung phổ biến của thương mại quốc tế được quy định trong các hiệp định của WTO như: không phân biệt đối xử, cạnh tranh công bằng, minh bạch hóa chính sách và pháp luật, giải quyết tranh chấp bằng cơ chế trọng tài, xóa bỏ hàng rào thương mại do các biện pháp thuế quan gây ra... phải được luật hóa thành pháp luật quốc gia. Đây chính là hành lang pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập ngày càng sâu, rộng của Việt Nam vào quá trình phân công lao động quốc tế khi chúng ta đã là thành viên của WTO. Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc đồng nhất hệ thống pháp luật của Việt Nam với các hệ thống pháp luật khác, mà chính là sự chủ động tìm kiếm phương thức,

phương pháp để tạo cơ sở pháp lý cho quá trình hội nhập một cách vững chắc và hiệu quả.

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xác định phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; trong những năm tới chú trọng phát triển về số lượng đi đôi với nâng cao chất lượng, đa dạng hóa về loại hình, quy mô; là hướng đột phá tạo sự chuyển dịch căn bản về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế đồng thời với bảo vệ môi trường bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Đây là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, do đó cần phải huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài; huy động mọi khả năng không chỉ của Nhà nước mà của tất cả các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Trợ giúp doanh nghiệp là một giải pháp quan trọng trong phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nhà nước tạo môi trường pháp luật cơ chế chính sách thuận lợi cho doanh nghiệp, xóa bỏ bao cấp, chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp; với phương châm tùy theo khả năng của nguồn lực sẽ ưu tiên hỗ trợ các mục tiêu phát triển chung, trọng tâm có thời hạn và có điều kiện.

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa sắp xếp lại lực lượng đủ sức vận hành trong môi trường kinh tế của WTO.

Thứ nhất, hỗ trợ tiếp thị, tìm thị trường và đối tác.

Thứ hai, định hướng điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Với tư cách là thành viên của WTO, hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu của Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn, chủ yếu là do những hỗ trợ trực tiếp có tính chất trợ cấp của Chính phủ sẽ phải hạn chế sử dụng. Vì vậy, cơ cấu hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu của các doanh nghiệp phải chuyển dịch theo định hướng của Chính phủ, lợi thế so sánh, sử dụng chất xám, sức cạnh tranh, sử dụng tài nguyên, sử dụng lao động, nhu cầu của thị trường thế giới và xu hướng chuyển dịch các khu vực trên thế giới. Có thể tập trung vào một số nhóm ngành hàng sau: *Một là*, đối với nhóm hàng hóa sản phẩm công nghiệp và chế biến, tập trung vào những sản phẩm như sản phẩm điện tử và máy tính; cơ cấu sản phẩm trong nhóm này cũng cần tập trung vào các sản phẩm tinh vi, có hàm lượng giá trị gia tăng và giá trị xuất khẩu cao. *Hai là*, nhóm sản phẩm

dệt may, da giày là sản phẩm có thể thực hiện được các đơn hàng đòi hỏi mức độ tinh xảo cao. Cơ cấu của nhóm sản phẩm này cần chuyển sang tập trung vào khâu thiết kế và phát triển các dự án sản xuất nguyên, phụ liệu ở trong nước để hạ giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Cần phát triển để nội thất, dụng cụ nhà bếp, cặp, túi xách và các đồ gia dụng khác thuộc nhóm dệt may và giày dép. *Ba là*, nhóm sản phẩm phần mềm là sản phẩm rất đa dạng từ thiết kế các siêu vi mạch, gói phần mềm ứng dụng chuẩn hóa đến phần mềm kinh doanh theo đánh giá của khách hàng và phần mềm công nghiệp sử dụng trong các nhà máy... Để kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này được nhanh chóng nâng cao cần cải thiện một số hạn chế hiện nay là ngoại ngữ và trình độ quốc tế hóa của các lập trình viên. *Bốn là*, đối với hàng thủ công mỹ nghệ, khâu thiết kế và kiểu dáng sản phẩm cần bắt nhịp được nhu cầu của thị trường. *Năm là*, nhóm hàng nông lâm, thủy sản, về cơ bản, cơ cấu hàng xuất khẩu theo định hướng của Chính phủ đến năm 2010, đối với nhóm này chủ yếu là tập trung nâng cao hàm lượng chế biến, đồng thời giảm tối đa hàm lượng xuất khẩu thô. Trong lĩnh vực dịch vụ, phải nâng cao sức cạnh tranh và xây dựng quảng bá rộng rãi thương hiệu của ngành. Nhà nước cần đánh giá những ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu nhất, trên cơ sở đó lựa chọn nhóm hàng có sức cạnh tranh nhất trong nhóm ngành hàng đó lựa chọn khi Việt Nam là thành viên của WTO trên cơ sở đó định hướng cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Tiến hành quảng bá, tuyên truyền cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với các nhóm hàng đó lựa chọn đó các doanh nghiệp nhỏ và vừa điều chỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, hỗ trợ đào tạo lao động chất lượng cao. Nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề theo hướng gắn với đánh giá của hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề và ý thức trách nhiệm; đưa nhanh công nghệ thông tin vào nội dung đào tạo và quản lý quá trình đào tạo; khuyến khích liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề với các doanh nghiệp để nâng cao khả năng thực hành của các học viên sau khi tốt nghiệp. Đào tạo đội ngũ các nhà quản lý, giám đốc điều hành doanh nghiệp giới.

Thay đổi cách nhìn nhận và phương thức đào tạo lực lượng lao động có tay nghề, lao động công nhân kỹ thuật. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng tăng

cường đào tạo công nhân kỹ thuật, đặc biệt là công nhân kỹ thuật có tay nghề cao để đáp ứng được những ngành kinh tế - xã hội trọng điểm.

Về phía doanh nghiệp công phải có tầm nhìn, biết tính toán hy sinh cải trước mắt để lo cái lâu dài, từ bỏ thói quen đòi hỏi có sẵn người có năng lực đáp ứng ngay lập tức nhu cầu, mà không lo đào tạo, đầu tư. Thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay phải có gắng hết mình học tập, rèn luyện ở mọi lúc, mọi nơi. Tư duy về sự học cũng phải thay đổi từ “làm quan” sang học “làm giàu”, đầu tư cho sự học để thi thố tài năng kinh doanh, dám chấp nhận và năng động tìm lấy lợi thế cạnh tranh toàn cầu để làm giàu cho mình và cho đất nước.

Thứ tư, hỗ trợ việc hiện đại hóa kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại cho đội ngũ doanh nhân các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ đào tạo về quản lý kinh doanh tổng hợp để nâng cao năng lực lập kế hoạch và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh; đào tạo về quản trị nhân sự để tăng cường năng lực quản lý nhân sự; đào tạo về quản trị marketing để tăng cường năng lực tiếp thị; đào tạo nghiệp vụ về kế hoạch, kỹ năng tiếp thị tổng hợp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc lập kế hoạch tiếp thị, kỹ năng tiếp thị, kỹ năng để tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ đào tạo về quản trị tài chính – kế toán nhằm tăng cường năng lực quản lý tài chính, kế toán. Và hỗ trợ đào tạo về quản lý kỹ thuật, công nghệ để nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật, công nghệ, sẽ hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ năm, hỗ trợ về khoa học và công nghệ. Chính sách khoa học và công nghệ cần mở rộng lĩnh vực hỗ trợ, cải tiến thủ tục, trình tự xét duyệt theo hướng phân cấp quản lý mạnh cho chính quyền địa phương. Xây dựng một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ và minh bạch liên quan đến chất lượng hàng hóa và tiêu chuẩn hàng hóa.

Thứ sáu, hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Sửa đổi, bổ sung các quy định để đẩy nhanh việc xây dựng quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa phương, khuyến khích phát triển các loại hình ngân hàng, ngân hàng thương mại cổ phần chuyên phục vụ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó bao gồm có việc phát triển nghiệp vụ cho thuê tài chính và áp dụng biện pháp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản thế chấp đối với các doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa có dự án khả thi, có hiệu quả để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư và kinh doanh.

Thứ bảy, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa về đất đai và giải phóng mặt bằng. Cải thiện tình trạng thiếu mặt bằng sản xuất, tăng cường bảo vệ môi trường thông qua việc lập và công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tạo điều kiện để phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy mô hợp lý và giá thuê đất phù hợp với khả năng của doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa gây ô nhiễm, tác hại đến môi trường tại các khu dân cư và để thị đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Nhà nước cần thúc đẩy hình thành thị trường bất động sản, đẩy mạnh hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; tạo thêm quỹ đất bằng việc tăng cường chuyển đổi mục đích sử dụng đất để tăng thêm số lượng các khu công nghiệp và đất đai sẵn có cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê, mua. Chính quyền địa phương nên tiến hành kiểm tra và quy hoạch quỹ đất sản xuất kinh doanh, cương quyết thu hồi đất sử dụng không đồng mục đích của các doanh nghiệp nhà nước.

Có chính sách cụ thể hỗ trợ cho khởi doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê đất, hỗ trợ quỹ đất, xây dựng các “vườn ươm doanh nghiệp”, trả góp tiền thuê đất. Minh bạch hóa công tác quản lý và cung cấp thông tin về quy hoạch đất đai, nhà cửa, mặt bằng; chính quyền địa phương phải can thiệp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công tác giải phóng mặt bằng.

TTBD ĐBDC